

Số: 2001 /CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi  
nhuận Quý IV/ 2019 so Quý IV/2018

Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV NĂM 2019****Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC****SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Báo cáo tài chính quý IV/2019 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Quý IV năm 2019 so với Quý IV năm 2018 như sau:

CHỈ TIÊU	Quý IV		Chênh lệch	
	Năm 2019	Năm 2018	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	379.161.767.045	223.819.216.626	155.342.550.419	69%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>379.161.767.045</b>	<b>223.819.216.626</b>	<b>155.342.550.419</b>	<b>69%</b>
4. Giá vốn hàng bán	308.402.730.727	193.036.712.969	115.366.017.758	60%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>70.759.036.318</b>	<b>30.782.503.657</b>	<b>39.976.532.661</b>	<b>130%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	868.669.229	128.415.509	740.253.720	576%
7. Chi phí tài chính	13.915.934.227	8.039.726.340	5.876.207.887	73%
8. Chi phí bán hàng	12.133.106.674	4.052.589.293	8.080.517.381	199%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.655.557.284	6.347.790.761	7.307.766.523	115%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>31.923.107.362</b>	<b>12.470.812.772</b>	<b>19.452.294.590</b>	<b>156%</b>
11. Thu nhập khác	514.564.801	541.646.996	-27.082.195	-5%
12. Chi phí khác	458.947.120	303.235.353	155.711.767	51%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	55.617.681	238.411.643	-182.793.962	-77%



14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.978.725.043	12.709.224.415	19.269.500.628	152%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.723.233.320	2.541.844.883	3.181.388.437	125%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.255.491.723	10.167.379.532	16.088.112.191	258%

Lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2019 so với quý IV năm 2018 tăng 16.088.112.191 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 258%.

**Nguyên nhân:**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV năm 2019 tăng so với quý IV năm 2018 với giá trị tăng là 155.342.550.419 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 69%.
2. Doanh thu hoạt động tài chính quý IV năm 2019 so với quý IV năm 2018 tăng với giá trị 740.253.720 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 576%.
3. Giá vốn hàng bán cùng với các khoản chi phí tài chính quý IV năm 2019 đều tăng nhiều hơn so với quý IV năm 2018 với đạt tỷ lệ tăng tương ứng là 60% và 73%. Nhưng lợi nhuận khác quý IV/2019 lại giảm 77% tương đương giá trị 182.793.962 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trong quý IV năm 2019 thị trường kinh doanh trên khắp các địa bàn cả nước và thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag đều tăng so với cùng kỳ năm 2018. Riêng doanh thu xuất khẩu túi siêu thị đạt 108.014.009.026 đồng tăng 47% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 34.779.885.477 đồng. Đồng thời các khoản mục chi phí của quý IV năm 2019 cũng tăng không nhiều hơn so với tỷ trọng tăng doanh thu đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Do vậy đã làm cho tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2019 tăng 16.088.112.191 đồng so với quý IV năm 2018.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận quý IV năm 2019 so với quý IV năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT. TCCB (T)

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Cường**